

Số: 2836/GPMT-UBND

Kiên Giang, ngày 16 tháng 11 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật
Bảo vệ môi trường;

Xét Công văn số 1600/HQKG-VP ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Cục Hải
quan tỉnh Kiên Giang về việc đề nghị đăng ký cấp phép môi trường của dự án
Đầu tư xây dựng Trụ sở Chi cục Hải quan Phú Quốc và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
780/TTr-STNMT ngày 14 tháng 11 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Cục Hải quan tỉnh Kiên Giang có địa chỉ tại số 16
Nguyễn Công Trứ, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Đầu tư xây dựng Trụ
sở Chi cục Hải quan Phú Quốc” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án

1.1. Tên dự án: “Đầu tư xây dựng Trụ sở Chi cục Hải quan Phú Quốc”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Ấp Bãi Vòng, xã Hàm Ninh, thành phố Phú Quốc,
tỉnh Kiên Giang.

1.3. Quyết định thành lập:

- Quyết định số 29/TNNT-TCCB ngày 20/8/1975 của Tổng nha Ngoại
Thương (thuộc Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng Hòa Miền Nam) về việc
“thành lập Ty Hải quan tỉnh Rạch Giá”;



- Quyết định số 91/TCHQ-TCCB ngày 01/06/1994 của Tổng cục Hải quan về việc đổi tên thành Cục Hải quan tỉnh Kiên Giang.

1.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Trụ sở làm việc.

1.5. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng diện tích của dự án: 5.158,15 m²

- Quy mô, công suất: Dự án với chức năng chính là nơi làm việc và kết hợp với nhà nghỉ cho cán bộ, công chức trực ca, kho tạm giữ. Với quy mô phục vụ khoảng 46 người, trong đó: 45 cán bộ công chức và 01 bảo vệ; ước tính có khoảng 05 lượt khách đến liên hệ công việc mỗi ngày.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Cục Hải quan tỉnh Kiên Giang

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Cục Hải quan tỉnh Kiên Giang có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp quản lý tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 16...tháng 11 năm 2023 đến ngày 16... tháng 11 năm 2033).



Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. *truy*

Nơi nhận:

- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Hải quan tỉnh Kiên Giang;
- UBND thành phố Phú Quốc;
- LĐVP, P.KT, TT.PVHCC;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Kiên Giang;
- Lưu: VT, ptduy (10 bản).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Nhân

Nguyễn Thanh Nhân



Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2836 /GPMT-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh tại trụ sở làm việc.

- Nguồn số 2: Nước thải phát sinh từ khu vực nhà bếp.

- Nguồn số 3: Nước thải phát sinh từ hoạt động rửa sàn.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung khu vực nằm trên tuyến đường ĐT973.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tại hố ga đầu nối vào hệ thống thoát nước chung.

- Tọa độ vị trí điểm xả nước thải (hố ga đầu nối) theo hệ tọa độ VN 2000, hệ trục 104⁰30, múi chiều 3⁰: X = 1123488,320, Y = 445872,277.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 10,5 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, hệ số K = 1,2). Cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giới hạn giá trị cho phép
1	pH	-	5 - 9
2	BOD (20 ⁰ C)	mg/l	30
3	TSS	mg/l	50
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1.0

6	NH_4^+	mg/l	5
7	NO_3^-	mg/l	30
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	10
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5
10	PO_4^{3-}	mg/l	6
11	Coliform	MPN/100ml	3.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Hệ thống thu gom nước thải được xây dựng riêng biệt với hệ thống thu gom nước mưa.

- Nước thải phát sinh được thu gom theo tính chất của từng loại nước thải như sau:

+ Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được → xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn → hệ thống xử lý nước thải;

+ Nước thải từ khu nhà ăn → bể tách dầu → hệ thống xử lý nước thải;

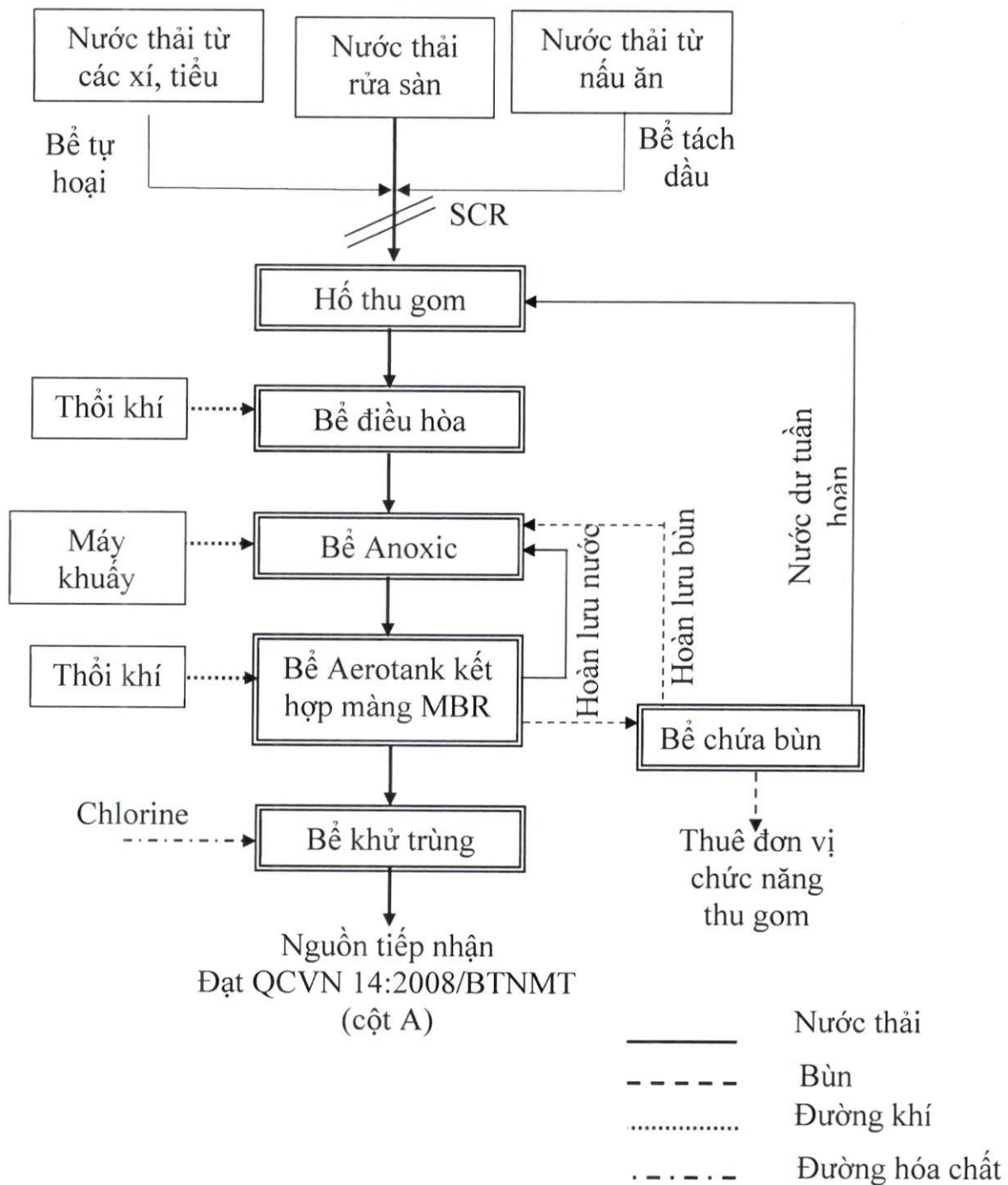
+ Nước thải rửa sàn → hệ thống xử lý nước thải.

- Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT – cột A (K = 1,2). Nước thải sau xử lý tự chảy thoát ra điểm đầu nối với hệ thống thoát nước chung của khu vực trên tuyến đường ĐT973.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt (Công suất thiết kế: 10,5 m³/ngày.đêm) được thể hiện trong sơ đồ công nghệ xử lý nước thải như sau:





1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Có tài liệu hướng dẫn về quy trình vận hành của toàn bộ hệ thống xử lý nước thải và từng công trình đơn vị. Trong đó ngoài các số liệu về mặt kỹ thuật, còn cần chỉ rõ lưu lượng thực tế và lưu lượng thiết kế của các công trình.
- Kiểm tra thường xuyên việc vận hành hệ thống xử lý nước thải để tránh tình trạng vi phạm quy tắc quản lý.
- Khi lắp đặt hệ thống phải đảm bảo các nguyên tắc kỹ thuật và phải có sự giám sát trong thi công xây dựng cũng như quá trình vận hành thử nghiệm và nghiệm thu công trình.
- Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường ống dẫn nước.

- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng hệ thống, thường xuyên kiểm của các máy móc, thiết bị đang hoạt động; thay thế sửa kịp thời máy móc hư hỏng; có thiết bị, máy móc dự phòng; công nhân được huấn luyện kỹ thuật đầy đủ.

- Khi có sự cố xảy ra thì nhanh chóng tìm ra nguyên nhân để có biện pháp khắc phục, tránh tình trạng để nước thải chảy tràn.

- Bên cạnh đó, xây dựng hệ thống xử lý nước thải với kết cấu bê tông cốt thép, chống thấm, chống rỉ và đảm bảo có thể chứa được nước thải phát sinh trong ngày khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố hư hỏng để tiến hành kiểm tra, sửa chữa.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm dự kiến quý I/2026 (khoảng 03 tháng) cụ thể như sau:

+ Thời gian bắt đầu: Dự kiến tháng 01/2026.

+ Thời gian kết thúc: Dự kiến tháng 03/2026.

- Chất lượng nước thải sau xử lý: Quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A.

2.2. Công trình, thiết bị xả thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10,5 m³/ngày.đêm tại trụ sở làm việc của Chi cục Hải quan Phú Quốc, tại ấp Bãi Vòng, xã Hàm Ninh, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

2.3. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

STT	Hạng mục	Loại mẫu lấy	Vị trí	Thông số quan trắc	Tần suất quan trắc	Quy chuẩn so sánh
1	Hệ thống xử lý nước thải	Mẫu đơn trong giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý	Nước thải tại ống thu gom trước khi qua HTXL	pH, BOD ₅ , TSS, TDS, sunfua, N-NH ₃ , N-NO ₃ , photpho, tổng các chất hoạt động bề mặt, và tổng coliform	- 01 ngày/lần (lấy mẫu đơn) - Tần xuất: 03 ngày liên tiếp	QCVN14:2008/ BTNMT, cột A.
2			Nước thải tại ống thoát nước sau khi đã được xử lý			

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường./



Phụ lục 2
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 36/GPMT-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khi dự án đi vào hoạt động: ước tính khoảng 21,9 kg/năm. Bao gồm: các thùng, bao bì dính hóa chất, bóng đèn huỳnh quang thải, giẻ lau dính thành phần nguy hại, dầu nhớt thải,...

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Lượng chất thải sinh hoạt phát sinh trong dự án khi đi vào hoạt động là 61,1 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Các thiết bị lưu chứa chất thải phải đảm bảo các quy định tại khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho: 10 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Tường xây gạch, mái bằng tôn, nền đổ bê tông, có biển báo.

- Kho chứa chất thải nguy hại phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Hợp đồng với đơn vị môi trường có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại tại địa phương hoặc khu vực lân cận để thực hiện xử lý chất thải này theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Chủ đầu tư sẽ bố trí các thùng rác như sau:

+ Thùng rác có thể tích 120 lít, số lượng khoảng 3 thùng. Các thùng rác được bố trí, đặt tại vị trí khu vực ngoại cảnh, xung quanh dự án.



+ Thùng rác có thể tích 80 lít, số lượng khoảng 6 thùng. Các thùng rác được bố trí 03 thùng tại nhà làm việc 03 thùng tại nhà ăn.

+ Rác thải được thu gom hàng ngày và lưu chứa tại kho/khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt của dự án. Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định. Tần suất thu gom: 01 lần/ngày.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện đúng kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở, đảm bảo tuân thủ quy định kỹ thuật về an toàn và môi trường.

- Đảm bảo nguồn nhân lực, trang thiết bị, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

- Thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố môi trường./.

